

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2021/DS-ST
Ngày: 30-11-2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G - THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hồng Phương

Bà Phạm Thị Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa:

Ông Trần Gia Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2020/DSST ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2021/QĐXX-DS ngày 20 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2021/QĐST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S

Trụ sở: Lầu 8, a-c Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận X, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Sĩ T, sinh năm 1987

Địa chỉ liên hệ: Số d-e Nguyễn Thái Sơn, phường 4, quận G, Thành phố H (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Lệ A, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số y Nguyễn Thái Sơn, phường 4, quận G, Thành phố H (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2020; bản tự khai ngày 18/12/2020 và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn ông Hồ Sĩ T trình bày:

Ngày 27/9/2017, bà Trần Lệ A có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ

thu nhập của bà A, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng JCB Car Card Gold với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 72.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay bà A đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 41.636.000 đồng. Từ ngày 09/3/2019, Ngân hàng nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà A vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà A vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang dư nợ quá hạn. Tính đến ngày 09/10/2020, bà A còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 87.930.243 đồng.

Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Lệ A phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính tới ngày 09/10/2020 là 87.930.243 đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 55.564.213 đồng.
- Lãi trong hạn, quá hạn là 32.366.030 đồng.

Và bà A phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/10/2020 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại bản tự khai ngày 18/12/2020 và bảng tóm tắt sao kê ngày 18/12/2020, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu bà Trần Lệ A phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tạm tính là 92.792.093 đồng. trong đó:

- Nợ gốc : 55.564.213 đồng.
- Lãi trong hạn, quá hạn là 37.227.880 đồng.

Tại bản tự khai ngày 15/4/2021 và bảng tóm tắt sao kê ngày 15/4/2021, hiện bà Trần Lệ A phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 100.987.783 đồng, Trong đó:

- Nợ gốc : 55.564.213 đồng.
- Lãi quá hạn là 45.423.570 đồng.

Bà A phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh cho Ngân hàng từ ngày 16/4/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập bà Trần Lệ A đến Tòa án để lấy lời khai nhưng bà A không đến. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của bà Trần Lệ A tại địa chỉ : Số y Nguyễn Thái Sơn, phường 4, quận G, Thành phố H, được biết: “Bà A có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ y Nguyễn Thái Sơn, phường 4, quận G, Thành phố H, bán nhà cầm hộ khẩu đi từ năm 2011 không rõ nơi cư trú hiện tại.”

Tòa án cũng tiến hành xác minh nơi bà A công tác là Công ty TNHH Nhiên liệu B trụ sở tại số q Nguyễn Kiệm, phường 3, quận G được biết: “ Công ty TNHH Nhiên liệu Bắc Nam trụ sở tại số q Nguyễn Kiệm, phường 3, quận G hiện tại không treo bảng hiệu, không còn hoạt động tại địa điểm đăng ký kinh doanh và Ủy ban nhân dân phường không liên hệ được với người đại diện theo pháp luật của Công ty .

Tòa án đã yêu cầu Ngân hàng cung cấp chứng cứ nơi cư ngụ mới của bà A, tuy nhiên bà A chuyển đi ở nơi khác không thông báo cho Ngân hàng và Ngân hàng cũng đã xác minh thông báo khởi kiện gửi đến nơi làm việc của bà A là Công ty TNHH Nhiên liệu B trụ sở tại số q Nguyễn Kiệm, phường 3, quận G, nhưng bà A cũng đã nghỉ

việc tại Công ty, vì vậy đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án niêm yết tại địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bà A là Số y Nguyễn Thái Sơn, phường 4, quận G, Thành phố H để tổng đạt, niêm yết và xét xử vắng mặt bà A.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà A không đến, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà A hợp lệ theo quy định pháp luật vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S do ông Hồ Sĩ T là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt tuy nhiên ông vẫn giữ yêu cầu buộc bà Trần Lệ A phải trả số tiền là 100.987.783 đồng, tạm tính đến ngày 15/4/2021 trong đó:

- Nợ gốc : 55.564.213 đồng.
- Lãi trong hạn, quá hạn là 45.423.570 đồng.

Và bà A tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/4/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bà Trần Lệ A là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Trần Lệ A phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 100.987.783 đồng, tạm tính đến ngày 15/4/2021 trong đó:

- Nợ gốc : 55.564.213 đồng.
- Lãi trong hạn, quá hạn là 45.423.570 đồng.

Bà A tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/4/2021 cho Ngân hàng đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn Ngân hàng hàng thương mại cổ phần S khởi kiện bị đơn bà Trần Lệ A về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 27/9/2017 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn bà Trần Lệ A có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số y Nguyễn Thái Sơn, phường 4, quận G, Thành phố H, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thủ tục tố tụng :

Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn bà Trần Lệ A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về nợ gốc:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày đã ký giữa Ngân hàng hàng thương mại cổ phần S với bà Trần Lệ A cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/9/2017 đã ký giữa Ngân hàng hàng thương mại cổ phần S với bà Trần Lệ A; bản tự khai ngày 18/12/2020 và ngày 11/5/2021 của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng; Bản sao kê ngày 18/12/2020 và ngày 15/4/2021 và Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà A với hạn mức 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bà A đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 72.000.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 41.636.000 đồng còn lại nợ gốc là 55.564.213 đồng. Tuy nhiên qua nhiều lần nhắc nhở bà A vẫn không thanh toán thêm cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Bà A đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc bà A phải trả số tiền nợ gốc là 55.564.213 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nợ lãi:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/9/2017 và Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần S đã được ký giữa Ngân hàng và bà A;

Căn cứ vào bảng sao kê ngày 18/12/2020 và bảng sao kê ngày 15/4/2021; Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tạm tính đến ngày 15/4/2021 là 45.423.570 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận và bà Trần Lệ A phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/4/2021 trên số nợ gốc cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc bà Trần Lệ A phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền lãi và gốc là 100.987.000 đồng tạm tính đến ngày 15/4/2021, trong đó: Nợ gốc: 55.564.213 đồng và lãi quá hạn: 45.423.570 đồng và bà Trần Lệ A phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/4/2021 trên số nợ gốc cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S số tiền 2.198.256 đồng tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0027471 ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận G. Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 100.987.000 đồng. Do đó bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.049.935 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 ;

- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Lệ A có trách nhiệm phải trả ngay cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 100.987.000 (*Một trăm triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn*) đồng tạm tính đến ngày 15/4/2021, trong đó: Nợ gốc: 55.564.213 đồng và lãi : 45.423.570 đồng.

Bà Trần Lệ A còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên tổng số nợ gốc kể từ ngày 16/4/2021 cho đến khi thanh toán xong theo như lãi suất hợp đồng được ký ngày 27/9/2017 (gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) .

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần Lệ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.049.935(*Năm triệu không trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm ba mươi lăm*) đồng .

Hoàn lại số tiền tạm nộp án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần S là 2.198.256 (*Hai triệu một trăm chín mươi tám ngàn hai trăm năm mươi sáu*) đồng tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0027471 ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận G.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận G;
- Chi cục THA quận G;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)